

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/4/2023
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thành Công.
- Ông Nguyễn Văn Cường.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Thanh Dũ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023, về việc tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1995. (Có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp 7, xã T, huyện GCD, tỉnh TG.
- Bị đơn: Anh Mai Hồng T, sinh năm 1991. (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp C, xã TĐ, huyện GCD, tỉnh TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn ngày 19/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào tháng 4/2015 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang vào năm 2015. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 6/2021 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nguyên nhân do anh T thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc đá gà, đánh đề không phụ giúp kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã ly thân từ tháng 6/2021 đến nay và chị đã về nhà cha mẹ ruột tại ấp 7, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang sinh sống cho đến

nay. Trong thời gian này, chị và anh T cũng không có trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Mai Hồng T.

- *Về con chung*: Anh chị có 03 con chung tên Mai Hồng Nhân, sinh ngày 02/11/2015; Mai Thị Kiều Như, sinh ngày 06/02/2017 và Mai Trọng Nghĩa, sinh ngày 29/4/2021. Hiện nay, các con chung đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng/con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, lao động được.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Mai Hồng T vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng N, cho chị N được ly hôn với anh Mai Hồng T.

Về con chung: Giao 03 con chung tên Mai Hồng Nhân, sinh ngày 02/11/2015; Mai Thị Kiều Như, sinh ngày 06/02/2017 và Mai Trọng Nghĩa, sinh ngày 29/4/2021 cho chị Nguyễn Hồng N được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Mai Hồng T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/1 con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Mai Hồng T vắng mặt không lý do dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T tham gia phiên tòa lần thứ hai, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông không có ý kiến về việc vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N, bị đơn anh Mai Hồng T và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án nên Hội đồng xét

xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn vào năm 2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 21/4/2015 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N, căn cứ vào lời khai của chị N và kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân của vợ chồng chị đã phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2016 đến tháng 6/2021 thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nguyên nhân do anh T thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc đá gà, đánh đề không phụ giúp kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã ly thân từ tháng 6/2021 đến nay và trong thời gian này, chị và anh T cũng không có trao đổi hàn gắn tình cảm. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án, không phản đối yêu cầu ly hôn của chị N nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh T mặc nhiên thừa nhận vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn như chị N trình bày, nay anh T không muốn hàn gắn tình cảm và cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Từ những tình tiết nêu trên, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh T có 03 con chung tên Mai Hồng Nhân, sinh ngày 02/11/2015; Mai Thị Kiều Như, sinh ngày 06/02/2017 và Mai Trọng Nghĩa, sinh ngày 29/4/2021. Xét thấy, hiện nay các cháu Nhân, cháu Nghĩa, cháu Như đang sống với chị N. Anh T không đến tham gia phiên tòa cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chứng tỏ anh T không có ý kiến về việc chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nhân, cháu Nghĩa, cháu Như. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Nhân, cháu Nghĩa, cháu Như theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của chị N về việc giao cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nhân, cháu Nghĩa, cháu Như là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần giao con chung tên Mai Hồng Nhân, sinh ngày 02/11/2015; Mai Thị Kiều Như, sinh ngày 06/02/2017 và Mai Trọng Nghĩa, sinh ngày 29/4/2021 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung tên Mai Hồng Nhân, sinh ngày 02/11/2015; Mai Trọng Nghĩa, sinh ngày 29/4/2021; Mai Thị Kiều Như, sinh ngày 06/02/2017 mỗi tháng 1.000.000 đồng/con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động được. Xét thấy, anh T không đến tham gia phiên tòa cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc chị N yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con chung chứng tỏ anh T không có ý kiến đối với việc chị N

yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh T không trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của chị N là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết và anh T cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về việc này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị N có yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Hồng N, cho chị N được ly hôn với anh Mai Hồng T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Mai Hồng Nhân, sinh ngày 02/11/2015; Mai Thị Kiều Như, sinh ngày 06/02/2017 và Mai Trọng Nghĩa, sinh ngày 29/4/2021 cho chị Nguyễn Hồng N được tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Mai Hồng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Mai Hồng Nhân, sinh ngày 02/11/2015; Mai Thị Kiều Như, sinh ngày 06/02/2017 và Mai Trọng Nghĩa, sinh ngày 29/4/2021 mỗi tháng 1.000.000 đồng/con chung. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động được.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chị Nguyễn Hồng N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Mai Hồng T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) đồng theo biên lai thu số 0028434 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên xem như chị N đã nộp đủ án phí.

Anh Mai Hồng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã Tân Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Lê Ngọc Duy Linh